|  |  |
| --- | --- |
| HĐND TỈNH HÀ TĨNH**ĐOÀN GIÁM SÁT**Số: /BC-ĐGS | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *Hà Tĩnh, ngày tháng 7 năm 2017* |

**DỰ THẢO**

***Ngày 04/7/2017***

**BÁO CÁO**

**Kết quả giám sát chuyên đề “Công tác quản lý nhà nước về đất đai và môi trường trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2014-2016”**

Thực hiện Nghị quyết số 44/NQ-HĐND, ngày 15/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh về *“Chương trình giám sát của Hội đồng nhân dân tỉnh năm 2017”* và Quyết định số 24/QĐ-HĐND, ngày 30/3/2017 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về thành lập Đoàn giám sát*”Công tác quản lý nhà nước về đất đai và môi trường trên địa bàn tỉnh”*; căn cứ tình hình thực tế Đoàn giám sát đã lựa chọn các nội dung giám sát: Việc chấp hành quy định của pháp luật trong công tác giao đất, cho thuê đất đối với các tổ chức và công tác quản lý chất thải rắn sinh hoạt, bảo vệ môi trường trong chăn nuôi trên địa bàn tỉnh; tiến hành xây dựng kế hoạch, đề cương, biểu mẫu yêu cầu Uỷ ban nhân dân tỉnh, các sở, ngành, địa phương và đơn vị liên quan báo cáo.

Từ ngày 09/5/2017 đến ngày 24/6/2017, Đoàn giám sát tổ chức làm việc trực tiếp với Uỷ ban nhân dân tỉnh, một số sở, ban, ngành[[1]](#footnote-1), Uỷ ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã; tiến hành khảo sát tại một số tổ chức, cá nhân có liên quan[[2]](#footnote-2); kết hợp nghiên cứu nội dung các báo cáo tài liệu; Đoàn giám sát tổng hợp kết quả cụ thể như sau:

**A. NHỮNG KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC**

Những năm qua, hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về đất đai, môi trường được ban hành khá đồng bộ; cùng với sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền các cấp và sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, công tác quản lý nhà nước về lĩnh vực này đã có chuyển biến tích cực, hạn chế đáng kể tình trạng vi phạm pháp luật; góp phần quan trọng vào việc giữ vững ổn định chính trị, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

**I. Lĩnh vực đất đai**

Sau khi Luật Đất đai năm 2013 có hiệu lực thi hành, việc quản lý đất đai nói chung và giao đất, cho thuê đất đối với các tổ chức nói riêng ngày càng được chấn chỉnh, từng bước đi vào nề nếp; công tác tuyên truyền, phổ biến Luật và các văn bản quy phạm pháp luật liên quan được quan tâm. Ủy ban nhân dân tỉnh đã kịp thời ban hành các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn triển khai thực hiện. Các địa phương đã chủ động phối hợp với các ngành chức năng lập, rà soát, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất gắn với việc đầu tư cơ sở hạ tầng. Công tác thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất được các địa phương, đơn vị, doanh nghiệp phối hợp thực hiện khá tốt, hạn chế tình trạng giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng trái thẩm quyền và những tiêu cực trong công tác quản lý Nhà nước về đất đai. Kết quả cụ thể như sau:

**1. Công tác quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất**

Việc lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cơ bản được thực hiện đúng quy định của pháp luật, tạo cơ sở pháp lý cho công tác quản lý nhà nước về đất đai, điều kiện thuận lợi cho quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế, xây dựng phát triển kết cấu hạ tầng, đô thị và xây dựng nông thôn mới. Uỷ ban nhân dân tỉnh đã ban hành quy định trách nhiệm cụ thể cho các cơ quan chủ trì, phối hợp trong việc chấp thuận đầu tư gắn với xem xét quy hoạch chuyên ngành, quy hoạch xây dựng, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và danh mục công trình dự án thu hồi đất, giao đất, chuyển mục đích sử dụng đất.

Kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất 5 năm giai đoạn 2011-2015: Đất nông nghiệp thực hiện 481.448,77 ha/477.905,0 ha, đạt 100,74%; đất phi nông nghiệp thực hiện 85.803,76 ha/94.833,0 ha, đạt 90,48%; đất chưa sử dụng được đưa vào sử dụng 31.814,11 ha/26.980,0 ha, đạt 117,91%.

Việc điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối (2016 - 2020) cấp tỉnh hiện đang trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

**2. Công tác giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất**

Công tác giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất đã được Uỷ ban nhân dân tỉnh thực hiện khá nghiêm túc; phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất hàng năm đã được Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt; bước đầu đã hạn chế tình trạng giao cấp đất, chuyển mục đích sử dụng đất trái thẩm quyền, tạo được sự thống nhất giữa các ngành chuyên môn và chính quyền địa phương trong bố trí sử dụng đất.

Thông qua việc giao đất, cho thuê đất và thu hồi đất theo các quy định mới, công tác quản lý nhà nước được tăng cường, đồng thời đảm bảo quyền và nghĩa vụ đối với chủ sử dụng đất, yên tâm đầu tư trên diện tích đất được giao. Sau giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, nhìn chung phần lớn các dự án đã đưa vào sử dụng đúng mục đích, mang lại hiệu quả, góp phần tích cực vào phát triển kinh tế, chuyển dịch cơ cấu, thể hiện thông qua chỉ tiêu thu ngân sách tỉnh, các chỉ số phát triển về kinh tế, giải quyết việc làm cho người lao động. Nhiều khu đô thị mới[[3]](#footnote-3) được đầu tư xây dựng với cơ sở hạ tầng đồng bộ, tạo quỹ đất đáp ứng nhu cầu đất ở, thương mại dịch vụ, góp phần tích cực phát triển kinh tế xã hội.

Kết quả giai đoạn 2014 - 2016, Uỷ ban nhân dân tỉnh và cơ quan có thẩm quyền đã tiến hành giao đất, cho thuê đất đối với 369 tổ chức với tổng diện tích là 2.323,53 ha. Trong đó:

- Giao đất không thu tiền 32 khu đất với tổng diện tích 228,4 ha *(Phụ lục 01)*; giao có thu tiền 09 khu đất với tổng diện tích 46,6 ha *(Phụ lục 02)*;

- Cho thuê 289 khu đất với diện tích 19.497,8 ha theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm *(Phụ lục 03)*; cho thuê 39 khu đất với diện tích 3043,4 ha theo hình thức thuê đất trả tiền một lần *(Phụ lục 04);* cho phép chuyển mục đích sử dụng 08 khu đất theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm với diện tích 2,4ha.

**3. Công tác quản lý tài chính về đất đai**

Công tác định giá đất theo giai đoạn và hàng năm được xây dựng, ban hành theo quy định của pháp luật, đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước trong đấu giá quyền sử dụng đất, giao đất có thu tiền sử dụng đất, cho thuê đất và bồi thường giải phóng mặt bằng khi nhà nước thu hồi đất.

Công tác tài chính về đất đai được thực hiện linh hoạt, hợp lý cơ bản tạo sự đồng thuận trong nhân dân khi nhà nước thu hồi đất, đảm bảo thời gian, tiến độ của dự án. Nhìn chung các doanh nghiệp được giao đất và thuê đất đã chấp hành khá nghiêm túc việc thực hiện các nghĩa vụ tài chính về đất đai, góp phần tăng nguồn thu cho ngân sách.

Kết quả cụ thể tiền thu từ đất 3 năm (2014 - 2016) đạt 3.840,50 tỷ đồng, chiếm tỷ lệ 21,69% trong tổng nguồn thu ngân sách và tăng lên qua các năm *(Phụ lục 08)*. Trong đó, thu từ hoạt động giao đất, cho thuê đất đối với các tổ chức 458,12 tỷ đồng[[4]](#footnote-4), chiếm tỉ lệ 11,92% trong tổng nguồn thu từ đất.

**4. Công tác kiểm tra, thanh tra, giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật về đất đai.**

Giai đoạn 2011 - 2016, toàn tỉnh đã thanh tra, kiểm tra 273 tổ chức với 392 thửa đất, diện tích 1.042,34 ha. Kết quả đã phát hiện 231 tổ chức có vi phạm trong công tác quản lý đầu tư, khai thác sử dụng đất đai như: Không sử dụng đất, để hoang hóa, chậm đầu tư theo cam kết, theo tiến độ ghi trong dự án đầu tư; tự ý cho thuê, cho mượn đất, mặt bằng trái quy định; chậm thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất. Đã tiến hành thu hồi đất của 68 tổ chức[[5]](#footnote-5) trên 89 thửa đất với diện tích 318,65 ha, truy thu 12.350 triệu đồng tiền thuế, phí lĩnh vực tài nguyên môi trường.

**II. Lĩnh vực bảo vệ môi trường (BVMT)**

Nhìn chung trong những năm gần đây, công tác BVMT trên địa bàn đã được Uỷ ban nhân dân tỉnh quan tâm, triển khai tích cực và đạt được một số kết quả đáng ghi nhận. Nội dung BVMT đã được lồng ghép vào quy hoạch phát triển kinh tế-xã hội và các quy hoạch phát triển ngành. Các khu xử lý chất thải rắn trên địa bàn tỉnh được quy hoạch và triển khai; mạng lưới các hợp tác xã, tổ đội vệ sinh môi trường được phát triển, mở rộng góp phần đáng kể trong công tác thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt; công nghệ xử lý rác thải được chuyển dần từ hình thức chủ yếu là chôn lấp sang phân loại, chế biến thành phân hữu cơ, gạch không nung, hạt nhựa hoặc xử lý bằng phương pháp đốt. Công tác BVMT tại nông thôn, chăn nuôi được chú trọng gắn với chương trình xây dựng nông thôn mới. Bộ máy quản lý nhà nước trên lĩnh vực BVMT từng bước được hoàn thiện[[6]](#footnote-6). Mạng lưới quan trắc và phân tích môi trường liên tục được điều chỉnh và tăng dày. Công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục chính sách pháp luật về BVMT bước đầu đã được quan tâm, góp phần nâng cao nhận thức và ý thức trách nhiệm về BVMT[[7]](#footnote-7). Qua đó, đã góp phần hạn chế mức độ gia tăng ô nhiễm, suy thoái môi trường trên địa bàn, giữ cân bằng sinh thái, bảo đảm chất lượng môi trường sống và sức khoẻ của người dân, cộng đồng.

**1. Kết quả tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường**

Giai đoạn 2014 - 2016, Uỷ ban nhân dân tỉnh đã phê duyệt 172 hồ sơ báo cáo đánh giá tác động môi trường; 56 hồ sơ Đề án cải tạo phục hồi môi trường/Phương án cải tạo phục hồi môi trường; 09 hồ sơ Đề án BVMT chi tiết; xác nhận hoàn thành công trình BVMT cho 5 dự án. Sở Tài nguyên và Môi trường đã xác nhận 02 hồ sơ Đề án BVMT đơn giản, 52 hồ sơ Kế hoạch BVMT. Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh thẩm định và phê duyệt 48 hồ sơ báo cáo đánh giá tác động môi trường và 05 đề án BVMT chi tiết; xác nhận cam kết BVMT và kế hoạch BVMT cho 24 dự án đầu tư trong địa bàn Khu kinh tế. UBND cấp huyện xác nhận 812 hồ sơ kế hoạch BVMT cho các dự án đầu tư/phương án sản xuất kinh doanh thuộc thẩm quyền*.*

**2. Công tác quản lý chất thải rắn sinh hoạt**

Cùng với sự phát triển kinh tế-xã hội và tốc độ đô thị hóa, đời sống người dân được nâng cao, nhu cầu tiêu dùng ngày càng lớn đã làm gia tăng khối lượng chất thải rắn sinh hoạt, lượng phát sinh năm 2014 là 593,4 tấn/ngày, năm 2015 là 627,9 tấn/ngày, năm 2016 là 647,8 tấn/ngày và tỷ lệ thu gom năm 2014 đạt 66,6%, năm 2015 đạt 74%, năm 2016 đạt 80%[[8]](#footnote-8) *(Phụ lục 11)*.

Dự báo đến năm 2020, chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn toàn tỉnh phát sinh khoảng 940-960 tấn/ngày (trong đó tỷ lệ rác đô thị chiếm khoảng 30% và nông thôn chiếm 70%).

Với sự nỗ lực của các cấp chính quyền và sự tham gia của toàn xã hội, Đề án Quản lý chất thải rắn trên địa bàn tỉnh theo Nghị quyết số 132/2010/NQ-HĐND ngày 13/10/2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh đã đạt được những kết quả nhất định (*Phụ lục 12, 13*).

Đến nay, trên địa bàn toàn tỉnh đã có 5 công ty, 171 hợp tác xã và 28 tổ đội vệ sinh môi trường thực hiện thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải (tăng gấp 6 lần so với năm 2010) với tổng số 2.264 lao động (tăng 1.649 lao động so với năm 2010). Một số huyện như Can Lộc, Lộc Hà, Cẩm Xuyên, Đức Thọ đến nay 100% số xã, thị trấn có HTX, tổ đội VSMT. Các HTX, tổ đội VSMT và Công ty đã được trang bị 2.330 xe đẩy tay, 1.408 thùng đựng rác, 30 xe ép rác chuyên dụng, 147 xe tải các loại khác *(Phụ lục 14).* Toàn tỉnh có 274 bãi trung chuyển đã xây dựng theo quy hoạch với diện tích 162.260m2 *(Phụ lục 15).*

Hiện nay, có 3 mô hình xử lý chất thải rắn sinh hoạt đang áp dụng trên địa bàn tỉnh: 02 nhà máy xử lý[[9]](#footnote-9); 07 lò đốt công suất nhỏ[[10]](#footnote-10); 05 bãi chôn lấp hợp vệ sinh đang hoạt động[[11]](#footnote-11); đang GPMB chuẩn bị xây dựng bãi chôn lấp ở xã Đức Bồng, huyện Vũ Quang; 7 bãi chôn lấp tự phát ở các địa phương; một số bãi rác đã ngừng hoạt động và đang làm thủ tục đóng cửa *(Phụ lục 16, 17, 18)*. Ngoài ra, để đáp ứng nhu cầu bức xúc về xử lý rác thải sinh hoạt, hiện đã khảo sát và đang tổng hợp đề xuất xây dựng 11 lò đốt rác tại 5 địa phương.

**3. Công tác quản lý môi trường trong chăn nuôi**

Theo quy hoạch phát triển chăn nuôi, vùng chăn nuôi tập trung đã được phê duyệt, toàn tỉnh quy hoạch 491 vùng với tổng diện tích 5.958,1 ha, trong đó quy hoạch chăn nuôi lợn 252 vùng với diện tích 2.824,1 ha.

Đến nay, toàn tỉnh có 310 trang trại chăn nuôi tập trung (bao gồm 258 trang trại trong quy hoạch và 55 trang trại ngoài quy hoạch) (*Phụ lục 19, 20, 21*), trong đó có: 209 cơ sở chăn nuôi lợn quy mô từ 300 con trở lên; 19 cơ sở chăn nuôi bò quy mô từ 50 con trở lên; số còn lại chăn nuôi gia cầm là chủ yếu. Có 63 trang trại đã được thẩm định và phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, đề án BVMT chi tiết; có 206 trang trại đã được UBND cấp huyện xác nhận bản Cam kết BVMT hoặc Đề án BVMT đơn giản hoặc Kế hoạch BVMT.

Ngoài ra, toàn tỉnh có 122.821 hộ chăn nuôi lợn, bò quy mô hộ gia đình. Trong đó, có 1.805 trong 3.742 hộ chăn nuôi quy mô trên 30 con lợn/bò được xác nhận kế hoạch BVMT hoặc cam kết BVMT *(Phụ lục 22).*

**4. Thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường**

Từ năm 2014-2016, ở cấp tỉnh đã tổ chức thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về lĩnh vực TNMT, qua đó đã xử phạt vi phạm hành chính đối với 43 cơ sở có sai phạm về lĩnh vực môi trường, với số tiền 572,75 triệu đồng (*Phụ lục 23*). Riêng lĩnh vực chăn nuôi, toàn tỉnh đã kiểm tra 246 cơ sở chăn nuôi tập trung, đã xử phạt tổng số tiền 246,75 triệu đồng, trong đó: Cấp tỉnh xử phạt 18/27 cơ sở, với tổng số tiền 246,75 triệu đồng, cấp huyện xử phạt 25/219 cơ sở với tổng số tiền 235,5 triệu đồng.

**B. NHỮNG HẠN CHẾ, KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC**

Công tác quản lý nhà nước về đất đai và môi trường trên địa bàn tuy đã được quan tâm và có một số chuyển biến tích cực nhưng vẫn còn nhiều tồn tại, hạn chế, nhất là trong hoạt động kiểm tra, thanh tra cấp tỉnh, cấp huyện đối với cơ sở và sự phối hợp giữa các cấp, các ngành và chính quyền địa phương; các vướng mắc trong công tác quản lý nhà nước ở cơ sở chậm được tháo gỡ, hồ sơ thủ tục còn qua nhiều cấp, nhiều ngành; trách nhiệm một số cán bộ công chức, viên chức ngành Tài nguyên và Môi trường các cấp chưa xác định rõ; còn có biểu hiện sách nhiễu, tiêu cực, buông lỏng và để xảy ra một số vi phạm.

**I. Lĩnh vực đất đai**

**1. Công tác lập, quản lý, thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất**

Công tác lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của các cấp, các ngành, các lĩnh vực và các chương trình dự án triển khai nhìn chung còn chậm; chất lượng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của một số địa phương chưa cao, tính khả thi thấp; dự báo quy hoạch chưa sát với thực tế dẫn đến việc thực hiện thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất ở một số dự án bị động, lúng túng, phải điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch nhiều lần. Việc quản lý, thực hiện quy hoạch sử dụng đất sau khi được xét duyệt chưa chặt chẽ; tình trạng lấn chiếm, tự chuyển mục đích sử dụng đất, sử dụng đất sai với quy hoạch, kế hoạch mặc dù đã được chấn chỉnh nhưng vẫn còn xảy ra.

Quy hoạch của một số ngành, lĩnh vực chưa đồng bộ với quy hoạch sử dụng đất, thiếu tính liên kết, còn xảy ra hiện tượng chồng lấn quy hoạch[[12]](#footnote-12). Quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết xây dựng tại đô thị chưa gắn với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của địa phương nên trong quá trình thực hiện phải bổ sung điều chỉnh nhiều lần[[13]](#footnote-13). Một số quy hoạch chưa xem xét yếu tố ảnh hưởng đến các di tích lịch sử, văn hóa, danh lam thắng cảnh[[14]](#footnote-14).

Một số chỉ tiêu Quy hoạch sử dụng đất của tỉnh thực hiện đạt thấp, như kết quả thực hiện quy hoạch giai đoạn 2011 - 2015: Đất quốc phòng đạt 33,80%; đất cho hoạt động khoáng sản đạt 43,70%, đất có di tích danh thắng đạt 43,58%; đất bãi thải, xử lý chất thải đạt 62,98%; đất chưa sử dụng được đưa vào sử dụng đạt 84,81%...

Việc lập danh mục dự án thu hồi đất chưa sát với thực tế dẫn đến khi phát sinh công trình phải bổ sung giữa 2 kỳ họp; tỷ lệ thực hiện danh mục được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua đạt thấp, tình trạng quy hoạch treo, dự án treo còn nhiều.

Thiếu các giải pháp có tính khả thi để thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; nhất là không cân đối đủ nguồn vốn để thực hiện những công trình dự án từ vốn ngân sách Nhà nước; công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất còn nhiều bất cập dẫn đến các công trình, dự án thường chậm tiến độ.

**2. Về giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất**

Công tác thẩm định điều kiện giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư còn nhiều tồn tại hạn chế, như: Việc thẩm định năng lực tài chính để bảo đảm việc sử dụng đất theo tiến độ của dự án đầu tư thiếu chính xác; chưa triển khai thực hiện ký quỹ đầu tư theo quy định của pháp luật; đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu dự án có sử dụng đất thực hiện chưa nghiêm túc, phổ biến vẫn là giao đất, cho thuê đất theo hình thức chỉ định.

Công tác giao, cho thuê, thu hồi, chuyển mục đích sử dụng đất cho một số tổ chức chưa phù hợp với kế hoạch sử dụng đất[[15]](#footnote-15); trong khi đó một số khu, cụm công nghiệp đã được đầu tư cơ sở hạ tầng đồng bộ[[16]](#footnote-16) phù hợp quy quy hoạch, kế hoạch nhưng lại không thu hút được nhà đầu tư.

Công tác giao đất, giao rừng còn chồng lấn giữa đất của tổ chức với đất của cá nhân, hộ gia đình[[17]](#footnote-17) dẫn đến tình trạng đơn thư, khiếu nại tố cáo kéo dài; còn hiện tượng lợi dụng chính sách chuyển đổi mục đích sử dụng rừng để khai thác trái phép lâm sản, khoáng sản[[18]](#footnote-18).

Chính quyền các cấp một số nơi còn buông lỏng công tác quản lý đất đai; một số khu đất sau khi thu hồi giao địa phương quản lý đang cho các hộ gia đình, cá nhân sử dụng trái quy định hoặc tự lấn chiếm sử dụng[[19]](#footnote-19). Thu hồi đất của các công trình, dự án vi phạm pháp luật gặp nhiều khó khăn do việc xác định, xử lý, thanh lý tài sản gắn liền với đất. Chậm có phương án quản lý, sử dụng đất đai và tài sản trên đất sau thu hồi nhất là đất các nhà văn hóa thôn, cơ sở giáo dục sau sáp nhập thôn, nhập trường; các trụ sở sau khi chuyển địa điểm, các tổ chức vi phạm…

Thu hồi đất chuẩn bị mặt bằng sạch để thực hiện giao đất, cho thuê đất, vẫn còn một số bất cập, hạn chế, như: Ngân sách của địa phương không đáp ứng kinh phí để chủ động thu hồi đất, bồi thường GPMB theo quy hoạch; chính sách về bồi thường, GPMB, đào tạo, chuyển đổi ngành nghề, giải quyết việc làm cho người có đất thu hồi chậm được thảo gỡ. Bên cạnh đó, dự án đầu tư theo hình thức doanh nghiệp tự thỏa thuận với người sử dụng đất để GPMB, thu hồi đất gặp nhiều khó khăn.

Thời gian hoàn thiện hồ sơ thủ tục về đất đai trong quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư dự án chưa đáp ứng yêu cầu thực tiễn gây khó khăn cho nhà đầu tư. Chính sách ưu đãi đầu tư theo quy định của pháp luật chưa được cơ quan quản lý nhà nước áp dụng đầy đủ, kịp thời, một số trường hợp nhà đầu tư phải kiến nghị nhiều lần, gây mất niềm tin, ảnh hưởng môi trường đầu tư của tỉnh.

Qua kiểm tra, xem xét báo cáo và giám sát trực tiếp tại 167 tổ chức cho thấy nhiều tổ chức, doanh nghiệp có vi phạm trong sử dụng đất, cụ thể: Có 20 doanh nghiệp sử dụng đất sai mục đích, như không sử dụng hết diện tích đất đã tự ý cho các cá nhân, tổ chức khác thuê lại mặt bằng để sản xuất kinh doanh[[20]](#footnote-20), cá biệt có một số doanh nghiệp được giao đất không thu tiền nhưng không đầu tư mà cho tổ chức khác thuê lại[[21]](#footnote-21); 34 doanh nghiệp để đất hoang hóa, chậm đầu tư[[22]](#footnote-22); 15 dự án được lấy từ đất sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp nhưng đầu tư kém hiệu quả[[23]](#footnote-23); 25 dự án gây ô nhiễm môi trường. Ngoài ra, có một số doanh nghiệp lấn chiếm đất trái phép ngoài phần diện tích đã được giao hoặc được thuê[[24]](#footnote-24); chưa có đầy đủ các thủ tục đất đai, thậm chí chưa có thủ tục về đầu tư nhưng vẫn triển khai dự án[[25]](#footnote-25).

Công tác thanh tra, kiểm tra việc sử dụng đất của các tổ chức được giao, cho thuê đất chưa được thường xuyên, chất lượng chưa cao; việc thực hiện các kết luận thanh tra chưa triệt để.

**3. Công tác quản lý tài chính về đất đai**

Một số địa phương, đơn vị chưa nhận thức đầy đủ nguồn lực tài chính từ đất là nội lực quan trọng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Xây dựng và ban hành bảng giá đất chưa sát với giá thị trường, ảnh hưởng đến thu ngân sách và gây khó khăn trong công tác bồi thường giải phóng mặt bằng để triển khai các dự án. Công tác xác định và điều tra giá đất cụ thể còn chậm, ảnh hưởng đến tiến độ giao đất cho các nhà đầu tư.

Nhiều khu đất khi thu hồi do vi phạm pháp luật chưa xử lý, thanh lý dứt điểm tài sản gắn liền với đất, nhất là những khu đất có giá trị thương mại lớn ảnh hưởng đến thu hút đầu tư của tỉnh[[26]](#footnote-26).

Đến ngày 23/6/2017, có 191 doanh nghiệp, tổ chức còn nợ nghĩa vụ ngân sách với tổng số tiền 110.301 triệu đồng, trong đó có một số doanh nghiệp nợ đọng kéo dài từ năm 2006 đến nay[[27]](#footnote-27); một số doanh nghiệp đã được Nhà nước giao đất, cho thuê đất nhưng chưa triển khai thực hiện dự án hoặc chuyển giao quyền sử dụng đối với khu đất nên chưa thực hiện nghĩa vụ tài chính… *(Phụ lục 09).*

Đến nay, 100% dự án sử dụng vốn ngoài ngân sách chưa thực hiện ký quỹ theo quy định; chỉ 11 đơn vị nộp tiền bảo vệ và phát triển đất trồng lúa với tổng số tiền 1.565.173.075 đồng (đạt 29,3% kế hoạch).

**II. Lĩnh vực bảo vệ môi trường**

**1. Về công tác quản lý nhà nước**

Hệ thống chính sách, pháp luật về BVMT còn nhiều bất cập, thiếu đồng bộ; chưa thống nhất quy trình giữa đánh giá tác động môi trường với chấp thuận chủ trương đầu tư dự án[[28]](#footnote-28); định mức thực hiện các nhiệm vụ sự nghiệp môi trường còn thiếu cụ thể và chưa phù hợp thực tế. Việc cụ thể hóa, triển khai thực hiện các văn bản, hướng dẫn, quy định trên lĩnh vực BVMT còn hạn chế, có nơi còn mang tính hình thức, hiệu quả chưa cao.

Công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục chính sách pháp luật về BVMT còn hạn chế. Một số cá nhân, đơn vị, doanh nghiệp nhận thức chưa đầy đủ, ý thức tự giác chấp hành pháp luật về BVMT chưa nghiêm, thậm chí còn xem nhẹ, chưa bố trí cán bộ, bộ phận chuyên trách về BVMT theo quy định, chưa ưu tiên đầu tư cho công tác BVMT.

Việc xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, đề án, chính sách, dự án phát triển của tỉnh và các địa phương chưa quan tâm đúng mức nội dung BVMT; tầm nhìn dài hạn, tính tổng thể của quy hoạch, kế hoạch chưa đảm bảo; một số quy hoạch ngành, lĩnh vực còn chồng lấn, mâu thuẫn với nhau[[29]](#footnote-29), chưa bám sát thực địa; quy hoạch đô thị, KCN, CCN, làng nghề, khu chăn nuôi tập trung trước đây còn bất cập dẫn đến tình trạng ô nhiễm môi trường cục bộ ở một số nơi nhưng chậm được khắc phục và có dấu hiệu gia tăng.

Công tác quản lý, thực hiện quy hoạch, kế hoạch nhìn chung còn thiếu chặt chẽ; một số địa phương, sở, ngành khi tham mưu cho tỉnh còn thụ động, chưa chú trọng tiêu chí môi trường trong đánh giá, sàng lọc, lựa chọn nhà đầu tư, công nghệ, nguồn tài chính để đảm bảo phát triển kinh tế gắn với BVMT bền vững. Một số chỉ tiêu về môi trường thực hiện chưa đạt theo chương trình, kế hoạch đề ra. Công tác tổng hợp báo cáo, đánh giá kết quả thực hiện, cập nhật dữ liệu thiếu kịp thời, chưa bám sát thực tế, chưa thống nhất giữa các cấp, các ngành.

Năng lực quản lý nhà nước về môi trường còn hạn chế;phân định trách nhiệm của các cấp, các ngành và đơn vị thiếu cụ thể. Công tác phối hợp giữa các cơ quan trung ương, các sở, ngành và địa phương liên quan còn bị động, chưa thống nhất, thiếu chặt chẽ, nhất là trong xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch BVMT hàng năm. Còn chồng chéo nhiệm vụ quản lý môi trường, đánh giá tác động môi trường tại khu kinh tế tỉnh. Tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ làm công tác quản lý môi trường các cấp còn thiếu và yếu, cán bộ làm việc ở cấp xã còn kiêm nhiệm nhiều lĩnh vực, chưa được đào tạo sâu về lĩnh vực môi trường. Chế độ báo cáo kết quả công tác quản lý nhà nước về BVMT các cấp, các ngành, các đơn vị chưa kịp thời, chất lượng còn thấp[[30]](#footnote-30).

Phân bổ kinh phí sự nghiệp môi trường ở tất cả các cấp chưa đảm bảo[[31]](#footnote-31), còn dàn trải, thiếu chi tiết, chưa hướng dẫn cụ thể các nhiệm vụ chi, hiệu quả sử dụng chưa cao. Nguồn kinh phí bố trí hàng năm thấp, hạn chế đến việc triển khai các nhiệm vụ thường xuyên như tuyên truyền, thanh, kiểm tra, xử lý ô nhiễm môi trường. Ở các địa phương kinh phí được bố trí chủ yếu cho hoạt động thu gom, xử lý chất thải rắn. Quỹ BVMT chưa được ngân sách nhà nước cấp vốn điều lệ[[32]](#footnote-32) nên chưa thực hiện nhiệm vụ cho vay ưu đãi, hỗ trợ lãi suất, tài trợ theo điều lệ và quy định; quản lý, sử dụng nguồn tiền ký quỹ cải tạo phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản thiếu hiệu quả.

Đầu tư công trình hạ tầng kỹ thuật BVMT chưa đồng bộ, còn dàn trải, tính kết nối chưa cao, chưa theo kịp sự phát triển của đô thị, khu dân cư nông thôn, khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề,… Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ công tác quản lý môi trường, công tác kiểm soát ô nhiễm, quan trắc đánh giá chất lượng môi trường chưa đáp ứng yêu cầu.

**2. Về tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt, xác nhận hồ sơ môi trường thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường**

Công tác quản lý nhà nước trong tổ chức thẩm định, phê duyệt, triển khai quy hoạch BVMT, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, đề án bảo vệ môi trường chi tiết và phương án cải tạo phục hồi môi trường, xác nhận kế hoạch BVMT chất lượng còn thấp, thiếu theo dõi giám sát, đánh giá. Còn xẩy ra tình trạng một số dự án được cấp phép triển khai thực hiện, đưa vào hoạt động trước khi xây dựng, phê duyệt hồ sơ BVMT[[33]](#footnote-33). Tỷ lệ đơn vị xác nhận hoàn thành công trình BVMT theo nội dung được duyệt đạt thấp. Còn nhiều khu cụm công nghiệp, cơ sở sản xuất không có hệ thống xử lý chất thải hoặc có nhưng bị hư hỏng, xuống cấp, không vận hành hoặc vận hành không đúng quy trình.

Nhiều đơn vị không thực hiện quan trắc định kỳ; thông số quan trắc chưa đầy đủ; không gửi kết quả quan trắc đến các cơ quan quản lý nhà nước theo quy định; kết quả quan trắc chưa được sử dụng hiệu quả.

Công tác thanh tra, kiểm tra về BVMT của các cấp, các ngành còn nhiều hạn chế; một số địa phương chưa xây dựng kế hoạch thanh, kiểm tra thường xuyên, hoạt động còn bị động, chủ yếu là giải quyết các vụ việc phát sinh. Xử lý vi phạm còn thiếu kịp thời, chế tài chưa nghiêm; một số địa phương chưa chú trọng áp dụng biện pháp xử phạt hành chính về BVMT theo thẩm quyền và chưa quan tâm hướng dẫn biện pháp khắc phục và phúc tra vi phạm.

**3. Về công tác quản lý chất thải rắn sinh hoạt**

Các nhiệm vụ, chỉ tiêu, kế hoạch, chương trình theo Đề án Quản lý chất thải rắn[[34]](#footnote-34) thực hiện còn chậm, kết quả hạn chế *(Phụ lục 12, 13)*. Xây dựng, quản lý và thực hiện quy hoạch BVMT đối với chất thải rắn sinh hoạt chưa tốt; chưa ban hành Quy định quản lý chất thải rắn trên địa bàn tỉnh, thiếu hướng dẫn phân loại chất thải rắn sinh hoạt[[35]](#footnote-35); quy hoạch mạng lưới thu gom, trung chuyển, xử lý rác thải vẫn còn bất cập, thiếu đồng bộ[[36]](#footnote-36), chưa sát thực tế, tiến độ đầu tư chậm hoặc đầu tư nhưng hiệu quả chưa cao; chưa xây dựng kế hoạch hàng năm cho công tác thu gom, vận chuyển và xử lý. Nhiều địa phương chưa hoàn thành Đề án thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt[[37]](#footnote-37), một số địa phương ban hành nhưng chưa triển khai thực hiện.

Công tác phân loại, lưu giữ, xử lý tại nguồn chất thải rắn sinh hoạt chưa được hướng dẫn chi tiết, thực hiện còn hạn chế, đang dừng lại ở mô hình. Phương tiện, trang thiết bị thu gom, vận chuyển chưa đáp ứng yêu cầu[[38]](#footnote-38). Tỷ lệ thu gom chất thải rắn sinh hoạt còn thấp (trung bình toàn tỉnh đạt 80%[[39]](#footnote-39), ở khu vực nông thôn chỉ đạt khoảng 75%), trong khi đó lượng chất thải phát sinh tăng hàng năm trên 5%. Trên địa bàn toàn tỉnh còn phổ biến tình trạng rác vứt bừa bãi, gây ô nhiễm, mất cảnh quan trên nhiều tuyến đường, bờ sông, đầu cầu, kênh mương thoát nước, các khu vực công cộng như chợ, điểm giáp ranh, đầu và cuối khu vực dân cư, những khu đất trống,... Phần lớn chất thải rắn nguy hại[[40]](#footnote-40), chất thải rắn từ hoạt động công nghiệp, xây dựng[[41]](#footnote-41), nông nghiệp[[42]](#footnote-42), y tế[[43]](#footnote-43),... chưa được thu gom, xử lý riêng theo đúng quy trình.

Cơ sở vật chất, trang thiết bị, công nghệ xử lý chất thải nhìn chung còn lạc hậu, cơ bản vẫn là công nghệ chôn lấp nhưng chưa đảm bảo quy định[[44]](#footnote-44), thiếu đồng bộ[[45]](#footnote-45), chất lượng không đảm bảo[[46]](#footnote-46), quy trình vận hành không đúng, hiệu quả thấp, gây ô nhiễm môi trường. Một số lò đốt rác được đầu tư nhưng chưa đồng bộ, thiếu kiểm định, chưa kiểm soát được khí thải, hiệu quả vận hành chưa cao[[47]](#footnote-47).

Việc bố trí địa điểm đặt một số bãi rác chưa đáp ứng các tiêu chuẩn theo quy định nên chưa tạo đồng thuận của Nhân dân[[48]](#footnote-48). Một số địa phương chưa có bãi chôn lấp, khu xử lý rác thải; có 08 bãi chôn lấp tại các huyện hình thành một cách tự phát không đúng quy hoạch và xử lý không đảm bảo theo quy định[[49]](#footnote-49); có 02 bãi chôn lấp đúng quy hoạch nhưng quy trình chôn lấp không hợp vệ sinh[[50]](#footnote-50); bãi xử lý rác thải tại một số khu vực đã quá tải[[51]](#footnote-51); một số bãi chôn lấp thực hiện đóng cửa nhưng chưa đúng quy trình kỹ thuật[[52]](#footnote-52) (*Phụ lục 16*).

Tái sử dụng, tái chế và thu hồi năng lượng chưa được chú trọng, còn mang tính tự phát, quy mô nhỏ lẻ, công nghệ lạc hậu, chưa đầu tư các công trình BVMT, hiệu quả xử lý thấp, tác động trở lại gây ô nhiễm môi trường. Chưa triển khai các chương trình tiết giảm, tái sử dụng, tái chế mới.

Phí vệ sinh theo mức thu cũ còn thấp, chỉ đáp ứng một phần chi cho công tác thu gom; tổ chức thu, quản lý và sử dụng chưa được quy định và hướng dẫn cụ thể; cách tính thu theo hộ còn bất cập; lập bộ thu, kết quả thu phí vệ sinh ở cơ sở có nơi chưa minh bạch, thiếu cơ chế kiểm soát; việc báo cáo thu chi, đóng nộp vào ngân sách Nhà nước, thực hiện nghĩa vụ thuế đối với hoạt động thu phí chưa đầy đủ, nghiêm túc; có địa phương tự đề xuất mức thu và phương án quản lý nhưng chưa được cơ quan chức năng thẩm định[[53]](#footnote-53).

Việc xây dựng, ban hành giá dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt theo Luật phí, lệ phí năm 2015 thay cho phí vệ sinh còn bị động, chậm tiến độ. Việc kiểm soát khối lượng rác thải thiếu chặt chẽ; đơn giá xử lý rác thải tại các nhà máy chế biến rác chậm được ban hành. Cơ chế tài chính, chính sách đối với thu gom, vận chuyển và xử lý chậm ban hành, nguồn lực thực hiện khó khăn[[54]](#footnote-54).

Quy trình, thủ tục, hồ sơ, quy chế thành lập và hoạt động của các hợp tác xã, tổ, đội vệ sinh môi trường vẫn chưa được ban hành hướng dẫn thống nhất. Các đơn vị mới hình thành, thiếu chuyên nghiệp, chủ yếu theo mô hình tự quản với nhiều loại hình tổ chức, nguồn vốn hạn chế, thu không đủ bù chi, thiếu phương tiện, trang thiết bị chuyên dụng nên hoạt động còn khó khăn.

Hầu hết lao động trực tiếp chưa được tập huấn, hướng dẫn chuyên sâu; chưa được chú trọng công tác bảo hộ lao động và chăm sóc sức khỏe; mức thu nhập còn thấp, nhất là tại các hợp tác xã, tổ đội vệ sinh môi trường.

Xã hội hóa dịch vụ môi trường còn chậm, gặp nhiều khó khăn,đặc biệt cơ chế tài chính, vốn, thủ tục, mô hình hoạt động, mô hình quản lý, đánh giá hiệu quả đầu tư,…; hình thức hợp tác công - tư trong đầu tư chậm được triển khai; các dự án khu xử lý chất thải rắn công nghệ cao chủ yếu mới chỉ dừng lại ở giai đoạn thăm dò, khảo sát. Các cấp chính quyền chưa có nhiều chương trình huy động sự tham gia của cộng đồng trong quản lý chất thải rắn.

**4. Về công tác quản lý môi trường trong chăn nuôi**

Quy hoạch phát triển chăn nuôi còn nhiều bất cập, chưa gắn với BVMT, cònchồng lấn lên quy hoạch rừng, quy hoạch cấp nước sinh hoạt nông thôn[[55]](#footnote-55), chưa đảm bảo tiêu chí về khoảng cách với khu dân cư[[56]](#footnote-56), nguồn nước[[57]](#footnote-57). Một số địa phương mới chỉ dừng ở mức khoanh vùng chăn nuôi mà chưa đầu tư hạ tầng kỹ thuật. Một số cơ sở chăn nuôi hình thành trước khi có quy hoạch, không đủ điều kiện để bổ sung quy hoạch, không có hồ sơ BVMT, các công trình BVMT không đảm bảo nhưng chưa thực hiện xử lý triệt để theo quy định[[58]](#footnote-58). Việc quản lý, thực hiện quy hoạch phát triển chăn nuôi chưa nghiêm, trong 310 trang trại chăn nuôi tập trung còn có 55 cơ sở nằm ngoài quy hoạch, trong đó 32 cơ sở có quy mô trên 300 con (*Phụ lục 20*); 14 cơ sở trong quy hoạch nhưng chưa làm thủ tục môi trường (*Phụ lục 21*).

Chất lượng hồ sơ BVMT của một số cơ sở chăn nuôi tập trung còn thấp. Nhiều cơ sở đang hoạt động nhưng chưa được phê duyệt hồ sơ về BVMT, chưa được xác nhận hoàn thành các công trình BVMT phục vụ giai đoạn vận hành của dự án (chỉ có 01 cơ sở xác nhận hoàn thành công trình BVMT trong 63 cơ sở phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường), chưa có giấy phép xả nước thải vào nguồn nước, cấp phép khai thác, sử dụng nguồn nước dưới đất. Nhiều cơ sở chưa chú trọng đầu tư cho công tác BVMT, một số nội dung, công trình BVMT chưa thực hiện đúng hồ sơ BVMT được phê duyệt/xác nhận: hệ thống hồ sinh học chưa được lót bạt chống thấm, không có nhà ủ phân, lò đốt động vật chết, hệ thống xử lý nước thải không đảm bảo[[59]](#footnote-59), vận hành bể biogas không hiệu quả[[60]](#footnote-60),… Một số công trình BVMT xuống cấp, hư hỏng nhưng chậm khắc phục[[61]](#footnote-61). Nhiều cơ sở tự ý nâng quy mô chuồng trại khi chưa lập lại hồ sơ BVMT, không đầu tư nâng cấp các hạng mục công trình BVMT theo quy định[[62]](#footnote-62).

Hầu hết cơ sở chăn nuôi quy mô nông hộ nằm trong khu dân cư, gần nhà ở và giếng nước, chưa có hồ sơ BVMT[[63]](#footnote-63), chưa đầu tư đầy đủ các công trình xử lý chất thải, gây ô nhiễm nguồn nước và không khí khá ảnh hưởng môi trường sinh thái, sức khỏe cộng đồng, gây bức xúc trong nhân dân. Tỷ lệ hộ gia đình chăn nuôi xây dựng bể biogas còn thấp[[64]](#footnote-64), quy mô chưa đảm bảo, chưa đúng kỹ thuật và trực tiếp thải ra môi trường; chất thải chăn nuôi làm phân bón trong nông nghiệp chủ yếu ở dạng phân tươi, chưa qua xử lý; chế phẩm sinh học thúc đẩy quá trình xử lý phân, khử mùi hôi chuồng trại chưa được sử dụng phổ biến. Việc xử lý các vi phạm về BVMT đối với chăn nuôi trong khu dân cư chưa có các quy định, chế tài cụ thể. Quy định về chính sách ưu đãi, hỗ trợ trong chăn nuôi thiếu chặt chẽ, chưa gắn với tiêu chí BVMT[[65]](#footnote-65).

**C. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT**

**1. Đối với các cơ quan Trung ương**

Đề nghị Quốc hội, Chính phủ nghiên cứu, xây dựng và ban hành Luật quy hoạch, Luật Đo đạc và Bản đồ nhằm tăng cường hiệu lực, hiệu quả của công tác quản lý nhà nước về quy hoạch, đo đạc và bản đồ; nghiên cứu sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại các Nghị định quy định chi tiết về Luật Đất đai, đảm bảo thống nhất và đồng bộ giữa Luật Đất đai và các pháp luật khác[[66]](#footnote-66)*.* Sửa đổi Khoản 4 Điều 3 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về xác định chi phí đầu tư vào đất còn lại đối với phần giá trị mà người sử dụng đất đã đầu tư làm tăng độ màu mỡ của đất nhưng không có hóa đơn chứng từ chứng minh. Bổ sung quy định tại Khoản 2 Điều 103 Luật Đất đai 2013 về xác định hạn mức đất ở cho các trường hợp sử dụng đất trước 18/12/1980 trong thực tế đã kê khai đăng ký theo Chỉ thị 299/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ nhưng hồ sơ của các cơ quan nhà nước hiện không còn. Quy định về ủy quyền xác định giá đất cụ thể[[67]](#footnote-67) và quy định thời hiệu của giá đất cụ thể[[68]](#footnote-68).

Đề nghị Chính phủ, các Bộ ngành liên quan: thể chế hoá chính sách sử dụng các công cụ kinh tế trong quản lý nhà nước về BVMT; cụ thể hóa quy trình công khai hoạt động BVMT; hoàn thiện các quy định nhằm tăng cường nguồn lực BVMT; ưu tiên đầu tư hạ tầng kỹ thuật BVMT, nhất là trạm quan trắc độc lập, khu xử lý nước thải tập trung tại Khu kinh tế Vũng Áng, các khu công nghiệp; ban hành sửa đổi suất đầu tư xây dựng cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt; ban hành mẫu thiết kế định hình đối với trạm trung chuyển chất thải rắn; đánh giá về kỹ thuật, hiệu quả các lò đốt chất thải rắn sinh hoạt trên toàn quốc để xem xét, quyết định nhân rộng phát triển lâu dài hoặc cho xử lý tạm thời; thống nhất ban hành quy định, hướng dẫn cụ thể về công tác BVMT trong nông nghiệp và phát triển nông thôn, nhất là trong chăn nuôi quy mô lớn và quy mô nông hộ[[69]](#footnote-69); tăng cường kiểm tra, giám sát đối với các công trình, dự án quy mô lớn, có khả năng gây ô nhiễm môi trường cao thuộc thẩm quyền phê duyệt báo cáo ĐTM của Bộ ngành trung ương.

**2. Đối với Tỉnh ủy**

Xem xét ban hành văn bản để tăng cường lãnh đạo công tác BVMT trong tình hình mới.

Có chủ trương, chính sách quy hoạch công tác cán bộ đảm bảo đủ số lượng, chất lượng đối với lĩnh vực tài nguyên, môi trường.

**3. Đối với Uỷ ban nhân dân tỉnh**

Chỉ đạo các sở, ban, ngành, cơ quan chức năng liên quan phối hợp với Uỷ ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã chấn chỉnh, khắc phục những tồn tại, hạn chế trong công tác quản lý nhà nước về đất đai và môi trường nêu trên. Cụ thể:

**3.1. Lĩnh vực đất đai**

(1). Tăng cường công tác tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật về tài nguyên, môi trường; thanh tra, kiểm tra, rà soát để xử lý các tồn tại, vướng mắc trong công tác quản lý sử dụng đất, thực hiện quy hoạch trên địa bàn toàn tỉnh; đẩy mạnh cải cách hành chính, bảo đảm công khai, minh bạch trong quản lý đất đai. Phát triển đa dạng các loại hình dịch vụ về đất đai. Xây dựng hệ thống quản lý đất đai tiên tiến, ưu tiên đầu tư xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu, hạ tầng thông tin đất đai hiện đại.

(2). Hàng năm có kế hoạch trình HĐND tỉnh bố trí kinh phí cho hoạt động đất đai. Đẩy nhanh tiến độ hoàn thành dự án tổng thể xây dựng hồ sơ địa chính và cơ sở dữ liệu; xác định ranh giới, cắm mốc ranh giới, đo đạc bản đồ đất của các Ban quản lý rừng phòng hộ, các doanh nghiệp nông, lâm nghiệp.

(3). Tập trung ưu tiên giới thiệu địa điểm đầu tư, nâng cao tỷ lệ lấp đầy các khu, cụm công nghiệp đã được quy hoạch, đầu tư cơ sở hạ tầng đồng bộ[[70]](#footnote-70). Tăng cường hậu kiểm việc cấp giấy phép kinh doanh, giấy phép đầu tư, chấp thuận chủ trương đầu tư đối với các doanh nghiệp; xem xét quy định về thời gian hoàn thành hồ sơ thủ tục để chủ trương đầu tư phù hợp với thực tiễn.

(4). Ban hành Quyết định quy định ký quỹ bảo đảm thực hiện dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh; quy định về trình tự thủ tục thực hiện các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh thay thế Quy định tại Quyết định 40/2013/QĐ-UBND ngày 13/9/2014 của UBND tỉnh theo hướng rút ngắn thủ tục, quy trách nhiệm, phối hợp chặt chẽ của các cấp, các ngành trong giải quyết hồ sơ.

Sửa đổi thống nhất nội dung Phí xác nhận bổ sung vào giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà, tài sản gắn liền với đất tại Quyết định số 1963/QĐ-UBND ngày 14/7/2016 của UBND tỉnh[[71]](#footnote-71) đảm bảo phù hợp với Nghị quyết số 26/2016/NQ-HĐND ngày 15/12/2016 của HĐND tỉnh[[72]](#footnote-72).

(5). Đối với đất và tài sản trên đất sau thu hồi: (i). Giao UBND cấp xã quản lý, sử dụng theo đúng quy định đối với đất nhà văn hóa thôn xóm, sân thể thao, cơ sở giáo dục, trạm y tế xã dôi dư sau sáp nhập. (ii). Giao Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh quản lý, bán đấu giá đất và tài sản theo quy định đối với đất các trụ sở dôi dư sau khi chuyển địa điểm; trường hợp chưa đấu giá được thì bố trí cho các đơn vị chưa đảm bảo trụ sở làm việc trong thời gian nhất định.

(6). Xem xét, xử lý để thu hồi đất đối với 31 tổ chức vi phạm pháp luật theo trình tự quy định tại Điều 66, Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ (*Phụ lục 06).* Đồng thời có phương án quản lý đất đai và tài sản trên đất sau thu hồi, kể cả các khu đất đã thu hồi do vi phạm pháp luật trước đây; giải quyết thu hồi dứt điểm đối với các khu đất đã có quyết định thu hồi nhưng chưa xử lý tài sản gắn liền với đất.

Yêu cầu 68 tổ chức có cam kết tiến độ thực hiện dự án (*Phụ lục 08).*

(7). Chỉ đạo các cơ quan chức năng kiểm tra, rà soát thực trạng, có giải pháp xử lý đối với những khu đất được giao cho các doanh nghiệp nhà nước quản lý, sử dụng đất, đến nay đã giải thể hoặc hoạt động không có hiệu quả, như tại các công ty hoạt động trên lĩnh vực thương nghiệp, lương thực, vật tư nông nghiệp...

(8). Chỉ đạo các cơ quan, sở, ngành, đơn vị đóng trên địa bàn chấm dứt tình trạng xây dựng các kiốt kinh doanh không đúng với chức năng, nhiệm vụ hoặc cho các tổ chức, cá nhân khác thuê lại một phần diện tích đất trụ sở để kinh doanh, nhằm đảm bảo thực hiện nghiêm quy định của pháp luật và mỹ quan đô thị; thanh tra và có phương án xử lý đối với 11 tổ chức *(Phụ lục 07).*

(9). Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì rà soát, đánh giá hiệu quả kinh tế, đề xuất hướng giải quyết đối với các khu đất thí điểm thực hiện dự án nuôi cá bơn, cá mú. Rà soát, thu hồi phần diện tích không sử dụng của các tổ chức thực hiện dự án rau, củ, quả trên cát để giao lại cho các hộ dân sản xuất.

(10). Chỉ đạo các sở, ngành, địa phương truy thu: 110.301,89 triệu đồng tiền thuê đất (*phụ lục 09)*; hướng dẫn quy trình thu, nộp và truy thu 3.765,08 triệu đồng tiền bảo vệ và phát triển đất trồng lúa.

(11). Rà soát các dự án đã có chủ trương đầu tư nhưng chưa có thủ tục đất đai: Hoàn thiện hồ sơ thủ tục nếu chủ đầu tư có năng lực, khả năng đầu tư; hoặc thu hồi chủ trương đầu tư nếu không có khả năng thực hiện dự án (*phụ lục 10)*.

(12). Tập trung xử lý dứt điểm các vụ việc khiếu nại đông người, kéo dài về giao, thu hồi, tranh chấp đất trên địa bàn các huyện Nghi Xuân, Kỳ Anh...

**3.2. Lĩnh vực bảo vệ môi trường**

(1). Tổng kết tình hình thực hiện Đề án Quản lý chất thải rắn trên địa bàn tại Nghị quyết số 132/2010/NQ-HĐND ngày 13/10/2010 của HĐND tỉnh. Xây dựng, trình HĐND tỉnh xem xét ban hành Nghị quyết về chính sách BVMT trên địa bàn tỉnh đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030.

(2). Quy định chặt chẽ quy chế phối hợp giữa các cấp, các ngành trong công tác BVMT. Kiện toàn, củng cố bộ máy quản lý nhà nước về môi trường các cấp. Nâng cao trình độ chuyên môn, năng lực thực tiễn đối với cán bộ làm công tác BVMT. Xây dựng, hoàn thiện Hệ thống cơ sở dữ liệu môi trường nhằm thống nhất quản lý, lưu trữ, liên kết dữ liệu; thực hiện tốt chế độ thông tin, báo cáo của các cấp[[73]](#footnote-73). Đẩy mạnh áp dụng Hệ thống quản lý môi trường theo Tiêu chuẩn ISO 14000 trong các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh.

(3). Tăng cường nghiên cứu, phát triển, ứng dụng và chuyển giao các tiến bộ khoa học và công nghệ về BVMT, xử lý ô nhiễm, khắc phục suy thoái, sự cố môi trường và biến đổi khí hậu, thúc đẩy quá trình chuyển đổi sang nền kinh tế xanh; nghiên cứu, xây dựng luận cứ khoa học phục vụ công tác hoạch định chính sách, kế hoạch về BVMT của tỉnh.

(4). Nâng cao chất lượng thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, đề án bảo vệ môi trường chi tiết và phương án cải tạo phục hồi môi trường, xác nhận kế hoạch BVMT; phân cấp, ủy quyền đảm bảo theo quy định pháp luật[[74]](#footnote-74). Kịp thời kiểm tra, đôn đốc và có yêu cầu cam kết tiến độ hoàn thành các công trình BVMT đối với các dự án.

(5). Đa dạng hóa đầu tư, thực hiện các cơ chế, chính sách, biện pháp cụ thể để khuyến khích, thu hút đầu tư hạ tầng kỹ thuật BVMT, đặc biệt là đầu tư xây dựng hệ thống xử lý chất thải rắn, xử lý nước thải đô thị, các KCN, CCN, hệ thống quan trắc kỹ thuật môi trường. Soát xét việc đáp ứng các tiêu chí môi trường của các dự án trước khi tham mưu, chấp thuận chủ trương đầu tư.

(6). Hàng năm, xây dựng kế hoạch trình HĐND tỉnh ưu tiên bố trí nguồn kinh phí chi cho sự nghiệp môi trường theo quy định và cấp đủ vốn điều lệ cho Quỹ BVMT tỉnh. Phân bổ chi tiết, sử dụng tập trung, hiệu quả, đúng mục đích, giám sát chặt chẽ nguồn kinh phí sự nghiệp môi trường. Ưu tiên cho vay vốn từ các quỹ BVMT hoặc hỗ trợ lãi suất sau đầu tư, bảo lãnh tín dụng đầu tư trường hợp vay vốn tại các tổ chức tín dụng khác để đầu tư BVMT.

(7). Xây dựng kế hoạch hàng năm cho công tác thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt phù hợp với chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, quy hoạch, tiến độ xây dựng các điểm thu gom, trạm trung chuyển, các khu xử lý và nguồn lực. Hoàn thành, triển khai có hiệu quả Đề án thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt tại các địa phương; hướng dẫn người dân chủ động phân loại, xử lý rác tại nguồn đảm bảo vệ sinh môi trường; đề xuất mô hình quản lý rác thải nông thôn tại các xã, liên xã.

Rà soát tổng thể, có giải pháp cụ thể đối với các khu xử lý chất thải rắn, kịp thời cải tạo khắc phục hoặc đóng cửa các bãi rác gây ô nhiễm. Đánh giá lại hiệu quả kinh tế, xã hội, các tiêu chí về kỹ thuật, công nghệ của mô hình lò đốt rác hiện nay trên địa bàn. Nghiên cứu, ban hành cơ chế khuyến khích thu hút, nhất là hợp tác công - tư để đầu tư kinh phí xây dựng các cơ sở xử lý chất thải rắn công nghệ cao theo quy hoạch được duyệt.

Kịp thời phê duyệt giá dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh theo Hướng dẫn tại Thông tư số 07/2017/TT-BXD ngày 15/5/2017 của Bộ Xây dựng. Ban hành đơn giá, phê duyệt dự toán dịch vụ thu gom, vận chuyển chất thải rắn để làm cơ sở đấu thầu thực hiện dịch vụ công ích có sử dụng vốn ngân sách Nhà nước.

(8). Rà soát, điều chỉnh Quy hoạch tổng thể ngành chăn nuôi, hình thành các vùng chăn nuôi trọng điểm. Bổ sung quy hoạch đối với các cơ sở đáp ứng tiêu chí môi trường. Xây dựng lộ trình, cơ chế hỗ trợ để đóng cửa các cơ sở không đúng quy hoạch (*Phụ lục 20*) và không đáp ứng tiêu chí môi trường. Yêu cầu hoàn thiện hồ sơ BVMT đối với các đơn vị chưa làm thủ tục (*Phụ lục 21*) hoặc đã thay đổi quy mô chăn nuôi đến mức phải thay đổi thủ tục môi trường.

Có giải pháp chuyển dịch chăn nuôi nông hộ trong khu dân cư sang chăn nuôi tập trung. Ban hành quy định, hướng dẫn cụ thể về công tác BVMT trong chăn nuôi, nhất là chăn nuôi quy mô nông hộ. Nghiên cứu, ứng dụng các biện pháp xử lý chất thải chăn nuôi đơn giản, hiệu quả, chi phí thấp[[75]](#footnote-75). Bổ sung, điều chỉnh chính sách chăn nuôi theo hướng hỗ trợ hạ tầng kỹ thuật xử lý chất thải cho các cơ sở chăn nuôi, cơ sở giết mổ công nghiệp; các nội dung hỗ trợ khác cần ràng buộc chặt chẽ điều kiện về BVMT.

**4. Đối với HĐND, UBND cấp huyện, cấp xã**

(1). Phối hợp, đề xuất với các sở, ngành cấp tỉnh kiểm tra, giám sát theo kiến nghị tại báo cáo giám sát này.

(2). Rà soát tình trạng cho thuê đất trái thẩm quyền, các dự án chưa hoàn thiện các thủ tục đất đai báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định.

(3). Tăng cường hoạt động giám sát công tác quản lý nhà nước tại địa phương về đất đai (đất ở, đất nông nghiệp, đất sản xuất kinh doanh của hộ gia đình, cá nhân thuộc thẩm quyền giao đất, cho thuê đất của UBND cấp huyện), kịp thời phát hiện những bất cập, vi phạm trong quản lý, sử dụng đất đai để có giải pháp khắc phục, chấn chỉnh, xử lý.

Giám sát việc vận chuyển, xử lý rác thải trên địa bàn, kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm các trường hợp đổ thải trái phép. Tăng cường kiểm tra công tác BVMT của các trang trại chăn nuôi trên địa bàn, kịp thời phát hiện các trang trại có dấu hiệu vi phạm để có hướng xử lý hoặc đề xuất xử lý phù hợp.

**5. Đối với các doanh nghiệp được Nhà nước giao đất, cho thuê đất**

(1). Chấp hành đầy đủ, nghiêm túc các quy định của pháp luật về đất đai, môi trường; các chính sách, quyết định của UBND tỉnh trong việc thu hút đầu tư, giao đất, cho thuê đất và thu hồi đất đối với doanh nghiệp.

Quan tâm đầu tư kinh phí xây dựng đầy đủ các công trình BVMT theo hồ sơ môi trường được phê duyệt/xác nhận, đảm bảo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật. Bố trí cán bộ theo dõi công tác BVMT theo quy định.

(2). Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan chức năng trong việc kiểm tra, thanh tra tình hình quản lý, sử dụng đất tại địa phương, doanh nghiệp mình.

(3).Thực hiện đúng phương án sử dụng đất đã cam kết, chấp hành tốt nghĩa vụ tài chính của doanh nghiệp, đảm bảo sản xuất kinh doanh có hiệu quả.

Trên đây là báo cáo giám sát chuyên đề *“Công tác quản lý nhà nước về đất đai và môi trường trên địa bàn tỉnh”*, Đoàn giám sát báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- UBTV Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;- Bộ Tài nguyên và Môi trường;- TT Tỉnh uỷ, HĐND tỉnh, Đoàn ĐBQH tỉnh (*b/c*);- Đại biểu HĐND tỉnh;- UBND tỉnh; UB MTTQ tỉnh;- Trưởng các ban HĐND tỉnh;- Thành viên Đoàn giám sát;- Văn phòng HĐND tỉnh;- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;- TTHĐND, UBND các huyện, thành phố, thị xã;- Lưu: VT, KTNS, LNH-TQĐ 200b.Gửi: Văn bản giấy và điện tử. | **TM. ĐOÀN GIÁM SÁT****TRƯỞNG ĐOÀN****PHÓ CHỦ TỊCH HĐND TỈNH****Nguyễn Thị Nữ Y** |

**DANH MỤC PHỤ LỤC**

*(Kèm theo Báo cáo số /BC-ĐGS ngày /7/2017*

*của Đoàn giám sát Hội đồng nhân dân tỉnh)*

**I. Lĩnh vực đất đai**

Phụ lục 01. Tổng hợp kết quả giao đất không thu tiền sử dụng đất đối với tổ chức từ ngày 01/7/2014 đến ngày 31/3/2017

Phụ lục 02. Tổng hợp kết quả giao đất có thu tiền sử dụng đất đối với các tổ chức từ ngày 01/7/2014 đến ngày 31/3/2017

Phụ lục 03. Tổng hợp kết quả cho thuê đất trả tiền hàng năm đối với tổ chúc từ ngày 01/7/2014 đến ngày 31/3/2017

Phụ lục 04. Tổng hợp kết quả cho thuê đất trả tiền một lần đối với tổ chức từ ngày 01/7/2014 đến ngày 31/3/2017

Phụ lục 05. Tổng hợp các khoản thu từ đất trong giai đoạn 2014-2016

Phụ lục 06. Danh sách các khu đất cần xử lý để thu hồi do vi phạm pháp luật đất đai

Phụ lục 07. Danh sách các tổ chức sử dụng sai mục đích một phần diện tích được giao

Phụ lục 08. Danh mục doanh nghiệp đề xuất phải cam kết tiến độ đầu tư

Phụ lục 09. Các tổ chức đang nợ tiền thuê đất tính đến ngày 23/6/2017

Phụ lục 10. Danh sách các dự án chưa hoàn thành thủ tục đất đai

**II. Lĩnh vực bảo vệ môi trường**

Phụ lục 11. Tỷ lệ thu gom chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2014-2016

Phụ lục 12. Đánh giá kết quả các nhiệm vụ, chỉ tiêu cụ thể theo đề án quản lý chất thải rắn tại Nghị quyết số 132/2010/NQ-HĐND

Phụ lục 13. Đánh giá kết quả các chương trình được giao theo đề án quản lý chất thải rắn tại Nghị quyết số 132/2010/NQ-HĐND

Phụ lục 14. Tổng hợp các công ty, hợp tác xã, tổ hợp tác, đội vệ sinh môi trường trên địa bàn tỉnh

Phụ lục 15. Hiện trạng các bãi trung chuyển chất thải rắn trên địa bàn tỉnh

Phụ lục 16. Hiện trạng các bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh

Phụ lục 17. Hiện trạng các nhà máy xử lý chất thải trên địa bàn tỉnh

Phụ lục 18. Hiện trạng các lò đốt chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh

Phụ lục 19. Tổng hợp các cơ sở chăn nuôi tập trung trong quy hoạch trên địa bàn tỉnh

Phụ lục 20. Danh mục cơ sở chăn nuôi tập trung ngoài quy hoạch trên địa bàn tỉnh

Phụ lục 21. Danh mục các cơ sở chăn nuôi tập trung trong quy hoạch nhưng chưa làm thủ tục môi trường trên địa bàn tỉnh

Phụ lục 22. Tổng hợp hiện trạng chăn nuôi lợn, bò quy mô hộ gia đình trên địa bàn tỉnh

Phụ lục 23. Tổng hợp kết quả xử phạt vi phạm về bảo vệ môi trường ở cấp tỉnh giai đoạn 2014-2016

1. Các sở, ngành: Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính,Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Xây dựng, Cục Thuế tỉnh, Kho bạc Nhà nước tỉnh, Quỹ đầu tư phát triển tỉnh, Thanh tra tỉnh, Phòng Cảnh sát Môi trường - Công an tỉnh, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh, Trung tâm phát triển quỹ đất, Chi Cục bảo vệ môi trường. [↑](#footnote-ref-1)
2. Tổ chức khảo sát tại 167 tổ chức, cá nhân, trong đó: 115 dự án sử dụng đất; 30 cơ sở chăn nuôi tập trung; 03 cơ sở chăn nuôi nông hộ; 07 nhà máy/bãi chôn lấp chất thải rắn; 02 lò đốt chất thải rắn; 07 điểm trung chuyển rác; 03 công ty/hợp tác xã/tổ đội vệ sinh môi trường. [↑](#footnote-ref-2)
3. **Dự án khu phức hợp Vincom Hà Tĩnh tại đường Hàm Nghi Hà Tĩnh; Dự án tổ hợp biệt thự nghỉ dưỡng Vinpearl Cửa Sót, tại xã Thịnh Lộc, huyện Lộc Hà;** [↑](#footnote-ref-3)
4. Thu từ hoạt động giao đất cho các tổ chức 66,961 tỷ đồng; cho thuê đất đối với các tổ chức 388,910 tỷ đồng; thu từ việc xử phạt vi phạm pháp luật về đất đai 201.000.000 đồng; Phí thẩm định hồ sơ thuê đất, giao đất cho các đơn vị với tổng số tiền 487.500.000 đồng; Tiền bảo vệ và phát triển đất trồng lúa 1.565.173.075 đồng/ 5.330.252.533 đồng (đạt 29,36%). [↑](#footnote-ref-4)
5. Còn 02 lô đất của Doanh nghiệp tư nhân Hoàng Dũng ở xã Cẩm Quan, diện tích 2,14 ha (do còn khiếu nại, tranh chấp) và khu tái định cư tại dự án Fomosa chưa thu hồi được. [↑](#footnote-ref-5)
6. Ở cấp tỉnh do Chi cục bảo vệ môi trường trực thuộc Sở TN&MT thực hiện với 15 cán bộ, công chức; ở cấp huyện phòng TN&MT đã bố trí 01-02 cán bộ, 262 xã, phường, thị trấn đều có cán bộ địa chính kiêm nhiệm. Ban quản lý KKT tỉnh có 02 cán bộ chuyên trách làm công tác BVMT [↑](#footnote-ref-6)
7. Giai đoạn 2014-2016 tổ chức 68 lớp tập huấn các nội dung liên quan về BVMT cho hơn 4300 lượt người; tổ chức các buổi tập huấn, hội thảo, phát sóng các chương trình phát thanh, truyền hình tuyên truyền về BVMT; ra quân làm vệ sinh môi trường với hàng ngàn lượt người tham dự. [↑](#footnote-ref-7)
8. Tại một số địa phương tỷ lệ thu gom, xử lý đạt khá cao như: thành phố Hà Tĩnh đạt 91,5%; thị xã Hồng Lĩnh đạt 89,6%, huyện Hương Sơn đạt 89,2%; huyện Cẩm Xuyên đạt 87,0%. [↑](#footnote-ref-8)
9. Nhà máy chế biến phân hữu cơ từ rác thải sinh hoạt tại xã Cẩm Quan, huyện Cẩm Xuyên với công suất thiết kế là xử lý 200 tấn /ngày đêm, hiện đạt 120 tấn /ngày đêm; Nhà máy chế biến rác thải sinh hoạt Hoành Sơn tại xã Kỳ Tân, huyện Kỳ Anh với công suất thiết kế là 240 tấn/ngày đêm (giai đoạn 1), hiện đạt 50 tấn /ngày đêm. [↑](#footnote-ref-9)
10. Trong đó: 04 lò được UBND tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư tại xã Xuân Thành, xã Cương Gián, xã Xuân Hải (huyện Nghi Xuân) và xã Kỳ Tân (huyện Kỳ Anh); 03 lò do địa phương tự lắp đặt, vận hành tại xã Phù Việt (huyện Thạch Hà), xã Thạch Bằng (huyện Lộc Hà) và xã Đức Long (huyện Đức Thọ). [↑](#footnote-ref-10)
11. Tại phường Nam Hồng, thị xã Hồng Lĩnh; xã Hồng Lộc, huyện Lộc Hà; thị trấn Nghèn, huyện Can Lộc; thị trấn Tây Sơn, huyện Hương Sơn và thị trấn Vũ Quang, huyện Vũ Quang. [↑](#footnote-ref-11)
12. Quy hoạch Chăn nuôi và quy hoạch cấp nước sinh hoạt nông thôn (tại Hồ Vực Trống); quy hoạch 3 loại rừng và quy hoạch sử dụng đất (tại núi Nam giới)..; [↑](#footnote-ref-12)
13. Các Quyết định điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất của UBND tỉnh: số [17/QĐ-UBND](http://qppl.hatinh.gov.vn/vbpq_hatinh.nsf/47794e937861e28f472579100054f798/85debfc2fb55896c472580a0002d7392?OpenDocument&Highlight=0,%C4%91i%E1%BB%81u,ch%E1%BB%89nh,quy,ho%E1%BA%A1ch) [điều chỉnh cục bộ Quy hoạch sử dụng đất Khu đô thị Hàm Nghi tại phường Thạch Linh, thành phố Hà Tĩnh](http://qppl.hatinh.gov.vn/vbpq_hatinh.nsf/47794e937861e28f472579100054f798/85debfc2fb55896c472580a0002d7392?OpenDocument&Highlight=0,%C4%91i%E1%BB%81u,ch%E1%BB%89nh,quy,ho%E1%BA%A1ch); Quyết định số [1647/QĐ-UBND điều chỉnh Quy hoạch cục bộ cơ cấu sử dụng đất tại lô X14 thuộc đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Vũng Áng đến năm 2025](http://qppl.hatinh.gov.vn/vbpq_hatinh.nsf/47794e937861e28f472579100054f798/fc1436348d500b7647257cfa00342e7d?OpenDocument&Highlight=0,quy,ho%E1%BA%A1ch,s%E1%BB%AD,d%E1%BB%A5ng,%C4%91%E1%BA%A5t); Quy hoạch mặt bằng sử dụng đất của nhiều dự án;... [↑](#footnote-ref-13)
14. Quy hoạch mỏ đất san lấp tại đồi Động Choác, xã Cẩm Hưng, huyện Cẩm Xuyên; mỏ đá ở núi Nam Giới, huyện Thạch Hà; mỏ đá ở núi Sư Tử, thị xã Hồng Linh;… [↑](#footnote-ref-14)
15. Dự án xây dựng Kho dự trữ quốc gia tại xã Cẩm Thành, huyện Cẩm Xuyên với diện tích 2,2 ha;... [↑](#footnote-ref-15)
16. Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật và đầu tư các dự án trong Cụm CN-TTCN tập trung của Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư Lợi Châu; Dự án xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng KCN Phú Vinh của Công ty TNHH đầu tư xây dựng hạ tầng Phú Vinh;… [↑](#footnote-ref-16)
17. Đất giao cho Công ty Cao Su Hà Tĩnh; đất giao cho Tổng đội TNXP xây dựng vùng kinh tế mới Tây Sơn chồng lấn lên diện tích đất của 2 hộ dân xã Sơn Kim;… [↑](#footnote-ref-17)
18. Dự án đường lâm nghiệp tại rừng phòng hộ Sông Tiêm huyện Hương Khê; tình trạng doanh nghiệp lợi dụng chủ trương cải tạo, tận thu đất san lấp phục vụ hạ tầng xây dựng NTM tại khu vực đồi Mít, thôn Khe Giao, xã Sơn Lộc xúc đất đem bán trái phép, không đúng mục đích. [↑](#footnote-ref-18)
19. Điểm SD đất của Hợp tác xã Bồng Sơn đường Nguyễn Biểu, phường Nam Hà; Điểm sử dụng đất Trung tâm giới thiệu việc làm Hà Tĩnh đường Phan Đình Phùng và Nguyễn Công Trứ, phường Nam Hà; Hợp tác xã Thành sen tại xã Thạch Hưng;… [↑](#footnote-ref-19)
20. Công ty cổ phần vật tư nông nghiệp;Dự án Xây dựng Văn phòng làm việc và SXKD của HTX DVTM và VSMT thị trấn Cẩm Xuyên; Điểm sử dụng đất Hội người mù Hà Tĩnh, đường Võ Liêm Sơn, phường Nam Hà; Công ty xổ số kiến thiết, đường Nguyễn Công Trứ và Đường Đặng Dung, phường Nam Hà; Tổng đội Thanh Niên Xung Phong xây dựng vùng kinh tế mới Tây Sơn đã cho một số tổ chức (Hợp tác xã) và hộ gia đình, cá nhân sử dụng; Trung tâm Hướng nghiệp thủy sản Thanh niên xung phong thuộc Tỉnh đoàn cho thuê lại; Đất giao cho Trung tâm tin học ngoại ngữ miền trung không đầu tư, cho thuê lại làm kho... [↑](#footnote-ref-20)
21. Tổng đội Thanh Niên Xung Phong xây dựng vùng kinh tế mới Tây Sơn đã cho một số tổ chức (Hợp tác xã) và hộ gia đình, cá nhân sử dụng; Trung tâm Hướng nghiệp thủy sản Thanh niên xung phong thuộc Tỉnh đoàn cho thuê lại; Đất giao cho Trung tâm tin học ngoại ngữ miền trung không đầu tư, cho thuê lại làm kho... [↑](#footnote-ref-21)
22. Dự án Xây dựng bến cảng vật liệu xây dựng của Công ty CP Việt Nam 1 tại xã Đức Thịnh; Công ty Hải Sơn tại xã Đức Lâm; Dự án xây dựng Trường THPT nhiều cấp iSchool Hà Tĩnh của Công ty CP Công nghệ và Giáo dục Nguyễn Hoàng tại phường Thạch Quý (giao đất thành 02 đợt); Dự án xây dựng trụ sở của Cục Hải Quan tại thành phố Hà Tĩnh... [↑](#footnote-ref-22)
23. Dự án Vườn ao chuồng kết hợp của HTX nông nghiệp vườn ao chuồng tại thị trấn Cẩm Xuyên huyện Cẩm Xuyên; Dự án XD Nhà máy tuyển quặng sắt của Công ty TNHH MTV Sắt Vũ Quang tại xã Sơn Thọ; Kho công ty lương thực Hà Tĩnh tại đường Phan Chánh, phường Tân Giang, TP Hà Tĩnh;... [↑](#footnote-ref-23)
24. Nhà máy gạch Vĩnh Thạch của Công ty xây dựng số 1 Hà Tĩnh tại xã Thạch Vĩnh huyện Thạch Hà; Khách sạn sông La tại thị trấn Thiên Cầm huyện Cẩm Xuyên, Dự án xây dựng bãi chế biến đá của Công ty Cổ phần Hồng Vượng tại xã Vượng Lộc huyện Can Lộc;... [↑](#footnote-ref-24)
25. Hợp tác xã nuôi trồng thủy sản Hùng Đại Dương đầu tư nuôi trồng thủy sản trên 17,8 ha tại xã Kỳ Thọ; Dư án Khu du lịch sinh thái Đồng Nôi, thị trấn Thiên Cầm, huyện Cẩm Xuyên; Dự án trồng rau, củ, quả trên cát tại Thạch Văn; Dự án Chăn nuôi bò thịt chất lượng cao tại xã Cầm Sơn, huyện Cẩm Xuyên, phường Kỳ Trinh, thị xã Kỳ Anh;... [↑](#footnote-ref-25)
26. Như các khu đất: Giao cho Công ty Tecoo để xây dựng Chung cư, nhà liền kề giáp đường Đại Lộ Xô Viết Nghệ Tĩnh; Công ty Vật tư nông nghiệp tại đường Trần Phú;… [↑](#footnote-ref-26)
27. Công ty cổ phần khách sạn Ngân Hà (0,516 tỷ đồng), Công ty TNHH Trường An (0,953 tỷ đồng); nợ đọng lớn (trên 2 tỷ đồng) như: Công ty CP đầu tư Hưng Phú; Cty CP VLXD Hà Tĩnh; Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Thiên An; Công ty CP Sắt Thạch Khê; cá biệt Công ty TNHH Bảo Châu nợ đọng thuế trên 20 tỷ đồng, Cty TNHH ĐT XD hạ tầng Phú Vinh trên 45 tỷ đồng;… [↑](#footnote-ref-27)
28. Theo quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 25 Luật Bảo vệ môi trường quy định “Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường là căn cứ để cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư dự án”. Tuy nhiên theo điều 33 của Luật Đầu tư thì trong hồ sơ thủ tục quyết định chủ trương đầu tư của UBND tỉnh không yêu cầu quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường. [↑](#footnote-ref-28)
29. Như: Quy hoạch cấp nước sinh hoạt nông thôn, quy hoạch dân cư còn chống chéo với quy hoạch các trang trại chăn nuôi tập trung, quy hoạch khu xử lý chất thải; quy hoạch nông thôn mới chồng chéo với quy hoạch điểm trung chuyên, tập kết rác thải. [↑](#footnote-ref-29)
30. Hàng năm UBND tỉnh phải báo cáo HĐND tỉnh; các địa phương phải báo cáo lên cấp trên; các doanh nghiệp phải báo cáo cơ quan quản lý nhà nước. [↑](#footnote-ref-30)
31. Theo Nghị quyết số 41/NQ-TW ngày 15/11/2004 của Bộ Chính trị: Đến năm 2006, chi cho hoạt động sự nghiệp môi trường không dưới 1% tổng chi ngân sách nhà nước và tăng dần tỷ lệ này theo tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế. Thực tế, giai đoạn 2014-2016 đã bố trí: Năm 2014: 54.783 triệu đồng; Năm 2015: 42.262 triệu đồng; Năm 2016: 70.621 triệu đồng. [↑](#footnote-ref-31)
32. Theo Quyết định số 1132/QĐ-UBND ngày 06/4/2015 của UBND tỉnh về việc thành lập Quỹ Bảo vệ Môi trường Hà Tĩnh, tại Khoản 1 Điều 3 quy định: Vốn điều lệ ban đầu của Quỹ là 15 tỷ đồng do ngân sách Nhà nước cấp trong 02 năm đầu. [↑](#footnote-ref-32)
33. Dự án chăn nuôi bò của Công ty Cổ phần chăn nuôi Bình Hà bắt đầu khởi công và xây dựng từ ngày 15/5/2015 và thả bò từ tháng 11/2015, nhưng về mặt hồ sơ thì UBND tỉnh bổ sung quy hoạch, chấp thuận chủ trương đầu tư và giới thiệu địa điểm tại Quyết định số 1300/QĐ-UBND ngày 15/4/2015; Phê duyệt quy hoạch tổng thể mặt bằng sử dụng đất tại Quyết định số 4648/QĐ-UBND ngày 03/12/2015; Phê duyệt báo cáo tác động môi trường của dự án tại Quyết định số 5079/QĐ-UBND ngày 31/5/2015. [↑](#footnote-ref-33)
34. Đề án Quản lý chất thải rắn trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2015 và định hướng những năm tiếp theo được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 132/2010/NQ-HĐND ngày 13/10/2010. [↑](#footnote-ref-34)
35. Khoản 4 Điều 15 Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu quy định: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hướng dẫn và tổ chức thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt phù hợp với điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội cụ thể của mỗi địa phương. [↑](#footnote-ref-35)
36. Chưa làm rõ giữa các khâu, điểm thu gom (thôn, tổ dân phố...), khu tập kết, trạm trung chuyển (xã, phường, thị trấn), tuyến vận chuyển, khu xử lý (huyện, vùng). [↑](#footnote-ref-36)
37. 06 đơn vị chưa hoàn thành: thành phố Hà Tĩnh và các huyện Lộc Hà, Can Lộc, Đức Thọ, Kỳ Anh, Hương Khê [↑](#footnote-ref-37)
38. Một số địa phương như Nghi Xuân, Lộc Hà, Thạch Hà, Đức Thọ, Hương Sơn,… thiếu phương tiện vận chuyển nên tần suất thu gom, vận chuyển là 2-3 ngày/1 lần thậm chí có một số nơi 1 tuần chỉ thu gom 1 lần. [↑](#footnote-ref-38)
39. Một số huyện tỷ lệ thu gom đạt thấp như: Vũ Quang (53,6%), Kỳ Anh (62,8%), Lộc Hà (70,1%). [↑](#footnote-ref-39)
40. Trách nhiệm của chủ nguồn thải chất thải nguy hại chưa đảm bảo; Hầu hết các cơ sở có khối lượng CTNH phát sinh dưới 600kg/năm chưa thực hiện phân định, áp mã, phân loại và lưu giữ chất thải nguy hại; tổ chức đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại còn hạn chế; toàn tỉnh mới chỉ có 01 cơ sở đủ điều kiện được cấp phép xử lý chất thải nguy hại;… [↑](#footnote-ref-40)
41. Đất, bùn thải chưa tận dụng để bồi đắp cho đất trồng cây hoặc các khu vực đất phù hợp; Đất đá, chất thải rắn từ vật liệu xây dựng chưa được tái chế làm vật liệu xây dựng, làm vật liệu san lấp hoặc chôn lấp trong bãi riêng; Chưa phân loại, tái chế, tái sử dụng các chất thải rắn như thủy tinh, sắt thép, gỗ, giấy, chất dẻo. [↑](#footnote-ref-41)
42. Bao bì, hóa chất bảo vệ thực vật, phân bón, thuốc thú y. [↑](#footnote-ref-42)
43. Hầu hết các bệnh viện đã được đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải, chất thải rắn y tế nguy hại nhưng việc vận hành, thu gom, xử lý chưa đảm bảo. Rác y tế phát sinh tại các trạm y tế xã, phường, phòng khám tư nhân chưa được thu gom triệt để và đưa về các bệnh viện khu vực để xử lý. [↑](#footnote-ref-43)
44. Các ô chôn lấp không có hệ thống lót bạt chống thấm ở thành và đáy các ô chôn lấp, không có hệ thống thu gom xử lý nước rỉ rác và khí thải. [↑](#footnote-ref-44)
45. Bãi chôn lấp thị trấn Nghèn, huyện Can Lộc: Đã xây dựng 3 ô chôn lấp có tổng diện tích hữu ích là 18.968m2, nhưng chưa đầu tư xây dựng đồng bộ các hạng mục như hồ sinh học, hệ thống xử lý nước rỉ rác, chưa mua sắm các máy móc thiết bị xử lý do đó việc xử lý rác chưa đúng quy trình đã gây ô nhiễm môi trường. [↑](#footnote-ref-45)
46. Phần taluy tại bãi chôn lấp xã Hồng Lộc độ dày không đảm bảo, bị nứt, sụt lộng, xuống cấp nghiêm trọng. [↑](#footnote-ref-46)
47. Lò đốt tại các xã Xuân Thành, Cương Gián, Phù Việt, Thạch Bằng, Đức Hòa,… [↑](#footnote-ref-47)
48. Dự án đầu tư xây dựng công trình Xử lý ô nhiễm môi trường do rác thải sinh hoạt tại xã Hương Thủy, huyện Hương Khê đã được phê duyệt dự án đầu tư, thiết kế bản vẽ thi công, lựa chọn nhà thầu. Nhưng khi triển khai thì bị người dân phản đối do vị trí nhà máy ở nơi có địa hình cao, đầu nguồn nước sinh hoạt, gần khu dân cư (có 33 hộ dân nằm trong phạm vi cách hố chôn lấp dưới 1000 m không đảm bảo khoảng cách quy định). Trước đó, năm 2012 UBND huyện Hương Khê cũng đã có tờ trình quy hoạch Khu xử lý rác thải kết hợp với Nhà máy chế biến phân bón tại xã Hương Long và Hương Thủy nhưng vị trí cũng nằm gần khu dân cư, sát ngay nghĩa địa, trường bắn quân sự và chồng lấn 5 ha đất cao su, trong đó có 2 ha cao su đã gần cho khai thác.

Bãi rác khu Đồng Mốt xóm 3 thị trấn Nghèn: Có vị trí nằm ngay cạnh sông Nghèn, được đầu tư chôn lấp năm 2012 nhưng không đồng bộ, kém hiệu quả. Đến năm 2016 UBND tỉnh có chủ trương đầu tư nhà máy xử lý rác. [↑](#footnote-ref-48)
49. Bãi Chôn lấp CTR tại phường Văn Yên, thành phố Hà Tĩnh (đóng cửa năm 2010); Bãi Chôn lấp CTR tại Cồn Ô, thành phố Hà Tĩnh (đóng cửa năm 2002); Bãi chôn lấp CTR thị xã Kỳ Anh; Bãi chôn lấp CTR huyện Thạch Hà; Bãi chôn lấp CTR khu du lịch Xuân Thành; Bãi chôn lấp CTR thị trấn Vũ Quang; Bãi chôn lấp CTR thị trấn Hương Khê; Bãi chôn lấp chất thải rắn Phượng Thành. [↑](#footnote-ref-49)
50. Bãi chôn lấp CTR khu du lịch Thiên Cầm; Bãi chôn lấp CTR sinh hoạt huyện Hương Sơn. [↑](#footnote-ref-50)
51. Bãi Chôn lấp CTR huyện Thạch Hà; Bãi chôn lấp CTR thị trấn Hương Khê;… [↑](#footnote-ref-51)
52. Bãi Chôn lấp CTR tại phường Văn Yên, thành phố Hà Tĩnh. [↑](#footnote-ref-52)
53. Như tại huyện Hương Sơn, huyện Lộc Hà. [↑](#footnote-ref-53)
54. Kinh phí phân bổ cho các địa phương thực hiện công tác vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt mới chỉ được ban hành tại Quyết định số 3870/QĐ-UBND ngày 29/12/2016 của UBND tỉnh.

Theo quy định tại Khoản 1, Điều 25, Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu thì “Chi phí thu gom, vận chuyển, lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ các cá nhân, hộ gia đình, nơi công cộng được bù đắp thông qua ngân sách địa phương” nhưng tỉnh chưa có quy định cụ thể.

Đồng thời việc không có quy định ngân sách địa phương bù đắp chi phí xử lý rác thải sinh hoạt phát sinh từ hộ gia đình, cá nhân, nơi công cộng sẽ gây khó khăn cho việc triển khai.

Chi phí trong xử lý rác thải tại các nhà máy còn khá cao nên ngân sách địa phương phải cân đối bù đắp lớn. [↑](#footnote-ref-54)
55. Hầu hết các hồ chứa nước trên địa bàn toàn tỉnh đều nằm trong Quy hoạch cấp nước sinh hoạt nông thôn tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030 phê duyệt tại Quyết định 2866/QĐ-UBND ngày 01/10/2014 của UBND tỉnh. Trong khi đó, theo Quy hoạch chăn nuôi đã phê duyệt trước đó thì hầu hết các trang trại đều xả thải vào các nguồn nước hoặc khe suối chảy về các hồ chứa nước lớn. [↑](#footnote-ref-55)
56. Cơ sở chăn nuôi các hộ: Bùi Trọng Thái, Bùi Quang Huy xã Sơn Diệm, huyện Hương Sơn; Phạm Văn Cảnh thị trấn Cẩm Xuyên, huyện Cẩm Xuyên;… [↑](#footnote-ref-56)
57. Một số cơ sở chăn nuôi tại xã Phú Lộc, huyện Can Lộc; xã Bắc Sơn, huyện Thạch Hà; xã Sơn Kim 1, xã Sơn Diệm huyện Hương Sơn,… gần các hồ đập, khe suối gây ô nhiễm nguồn nước. [↑](#footnote-ref-57)
58. Cơ sở chăn nuôi hộ ông Trần Hồng Hà tại xã Đức Long, huyện Đức Thọ: Nằm ngoài quy hoạch, ngay cạnh quốc lộ 8A, sát khu dân cư; khu tập thể bố trí cạnh khu xử lý môi trường; bạt bể biogas bị thủng gây ngập nước, hồ sinh học không lót bạt, hệ thống gom thải không đảm bảo, mương gom nước thải bị vỡ,… [↑](#footnote-ref-58)
59. Cơ sở chăn nuôi hộ ông Trần Tất Đạt và Nguyễn Đình Thắng xã Phú Lộc, huyện Can Lộc không thực hiện đúng cam kết BVMT gây ô nhiềm nguồn nước hồ Vực Trống; Cơ sở chăn nuôi tại xã Sơn Kim 1, huyện Hương Sơn và xã Xuân Mỹ, huyện Nghi Xuân có hệ thống bể biogas, bể lắng, hồ sinh học nhưng tại điểm thoát thải ra môi trường chất lượng nước không đảm bảo, mùa mưa nước thải từ các hồ sinh học tràn thẳng ra môi trường; Cơ sở chăn nuôi hộ ông Lê Khắc Tân và Lê Khắc Thanh tại xã Phú Gia, huyện Hương Khê có hệ thống mương dẫn thoát thải không đảm bảo;… [↑](#footnote-ref-59)
60. Nhiều mô hình đã xây dựng bể biogas để xử lý môi trường, tuy nhiên do diện tích xây dựng nhỏ, thể tích không đủ xử lý theo quy định, phải dùng chế phẩm sinh học nên giá thành cao. [↑](#footnote-ref-60)
61. Trang trại 27/7 tại xã Thịnh Lộc, huyện Lộc Hà và Cơ sở chăn nuôi hộ ông Trần Hồng Hà tại xã Đức Long, huyện Đức Thọ bị rách bạt bể biogas nên bị tràn nước thải ra ngoài; Cơ sở chăn nuôi hộ ông Nguyễn Trọng Toàn thôn Nam Hà, xã Cẩm Lạc và Cơ sở chăn nuôi hộ ông Lê Văn Hoa phường Kỳ Thịnh bể biogas bị rò rỉ; Trung tâm sản xuất giống lợn MITRACO tại xã Kỳ Phong, huyện Kỳ Anh bị vỡ bờ bao hồ sinh học nên mưa lớn nước bị tràn chảy ra ảnh hưởng 5,80ha ruộng của 38 hộ dân;… [↑](#footnote-ref-61)
62. Trang trại hộ ông Lê Khắc Thanh tại xã Phú Gia, huyện Hương Khê;… [↑](#footnote-ref-62)
63. Mới có 12,2% số hộ chăn nuôi trên 50 con, 64,6% số hộ chăn nuôi trên 30-50 con có Kế hoạch BVMT. [↑](#footnote-ref-63)
64. Chỉ có 21.546 hộ/122.821 hộ chăn nuôi xây dựng bể biogas (đạt 17,5%) [↑](#footnote-ref-64)
65. Sự phối hợp trong công tác thẩm định dự án, kiểm tra, nghiệm thu chính sách chưa đồng bộ, nhiều dự án đã đi vào hoạt động nhưng chưa thực hiện đầy đủ các nội dung theo báo cáo đánh giá tác động môi trường, kế hoạch BVMT mà vẫn được nghiệm thu và hỗ trợ chính sách từ ngân sách nhà nước. [↑](#footnote-ref-65)
66. Điểm 1, Khoản 1, Điều 64, Luật Đất đai năm 2013 và Điểm g, Khoản 1, Điều 48, Luật Đầu tư 2014; Điều 64, Nghị định 43/2014/NĐ-CP và Khoản 2, Điều 109, Bộ Luật Dân sự 2005; Điều 168, Bộ Luật Dân sự và Khoản 3, Điều 188, Luật Đất đai 2013. [↑](#footnote-ref-66)
67. Như thẩm quyền thu hồi đất tại Điều 63 Luật Đất đai 2013. [↑](#footnote-ref-67)
68. Tại khoản 4 Điều 114 Luật đất đai 2013. [↑](#footnote-ref-68)
69. Đề nghị điều chỉnh đồng bộ, thống nhất các yêu cầu BVMT gắn với phát triển chăn nuôi công nghiệp, trang trại và nông hộ; ban hành đầy đủ và hoàn thiện các quy định về quy chuẩn kỹ thuật môi trường chăn nuôi, các quy định về đánh giá tác động môi trường, các quy định về quản lý chất thải rắn, lỏng chăn nuôi;… [↑](#footnote-ref-69)
70. Như: Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật và đầu tư các dự án trong Cụm CN-TTCN tập trung của Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư Lợi Châu; Dự án xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng KCN Phú Vinh; Cụm công nghiệp Thái Yên; Cụm công nghiệp Nam Hồng; Cụm công nghiệp Thạch Đồng;... [↑](#footnote-ref-70)
71. Khoản 8 (phí, lệ phí), Điểm 1, Mục I, Phần II của Quyết định số 1963/QĐ-UBND ngày 14/7/2016 của UBND tỉnh quy định mức xác nhận thông tin trên giấy chứng nhận không phân biệt tổ chức, cá nhân mà chỉ phân biệt tại phường 15.000 đồng; tại khu vực khác 7.500 đồng. [↑](#footnote-ref-71)
72. Khoản 5, Điều 6 Nghị quyết số 26/2016/NQ-HĐND ngày 15/12/2016 của HĐND tỉnh quy định xác nhận bổ sung vào giấy chứng nhận: Tổ chức 40.000 đồng; đối với hộ gia đình, cá nhân tại các phường nội thành thuộc thành phố hoặc thị xã trực thuộc tỉnh 50.000 đồng, ở khu vực khác 25.000 đồng. [↑](#footnote-ref-72)
73. Hàng năm báo cáo HĐND tỉnh và Bộ Tài nguyên và Môi trường về công tác BVMT, kết quả quan trắc môi trường trên địa bàn. [↑](#footnote-ref-73)
74. Quy định về Ủy quyền cho Ban quản lý các khu công nghiệp thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường tại Điều 11 Thông tư 27/2015/TT-BTNMT ngày 29/05/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường. [↑](#footnote-ref-74)
75. Sử dụng hầm biogas; Phân tách thành pha rắn, pha lỏng; Nuôi giun quế để tận dụng lượng phân thải; Sử dụng các vi sinh vật để phân hủy các chất thải; Phương pháp tạo phân hữu cơ; làm phân compost, làm phân khô, và chuyển đổi phân thành thức ăn gia súc; Sử dụng chế phẩm sinh học;… [↑](#footnote-ref-75)